

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC – XU THẾ DẠY HỌC HIỆN ĐẠI

TRẦN KIỂM^(*)

TÓM TẮT: *Năng lực - phạm trù chỉ hoạt động thực tiễn, một trong những yếu tố quan trọng (bên cạnh phẩm chất) xác định giá trị một con người. Liên quan chặt chẽ đến năng lực là khả năng. Hai khái niệm này có quan hệ mật thiết với nhau. Biểu hiện thực chất của năng lực là kỹ năng. Nên người ta coi thế kỷ XXI là kỷ nguyên của kỹ năng lao động. Do đó nhiều nước trên thế giới đã nghiên cứu và liệt kê danh mục các kỹ năng lao động cần thiết. Giáo dục, dạy học hướng vào việc phát triển năng lực người học đang là xu thế trong và ngoài nước nhằm thực hiện mục tiêu dạy học đáp ứng yêu cầu xã hội và sự phát triển của từng học sinh.*

Từ khóa: *năng lực người học, khả năng, giáo dục hiện đại.*

ABSTRACT: *Competence is a category to indicate real human activities. It is also one of the important elements (Together with qualities) to define the value of a person. Closely related to competence is capability. Those two concepts are closely interrelated and not separated. The actual manifestation of competence in essence is skill. By the same token, the 21st century is called the era of working skills. Recently, many countries have studied and listed necessary working skills. Student competence-developed education or teaching is becoming a megatrend at home and abroad to operationalize the purposes of teaching to meet both social needs and the development of each student.*

Key words: *student capability, ability, modern education.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trên thế giới, từ lâu đã xuất hiện nhiều tìm tòi của các nhà khoa học trong dạy học nhằm phát triển năng lực người học. Xu thế này cũng đã và đang xuất hiện ở nước ta. Tác giả bài tham luận này nghĩ có lẽ chúng ta đều hiểu “năng lực” theo góc độ tâm lý học là gì, vấn đề là ở chỗ cần bàn về thái độ của ta đối với nó và làm như thế nào về mặt hành động để phát triển năng lực người học trong giáo dục, dạy học.

2. NĂNG LỰC, PHÂN LOẠI NĂNG LỰC

2.1. Năng lực

“Năng lực” (Competence) thuộc phạm trù hành động của chủ thể trong thực tiễn. Một số người đồng nhất khái niệm này với “khả năng” (Capability/Ability). Khả năng chỉ những yếu tố thỏa mãn một loại tiêu chuẩn nào đó ứng với

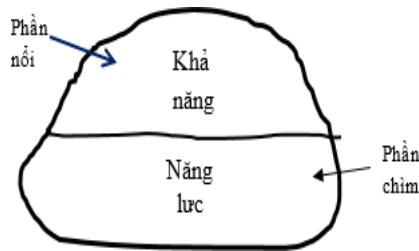
một công việc/lĩnh vực cụ thể. Chẳng hạn, một người nào đó sau một khóa học được cấp bằng/chứng nhận/chứng chỉ thuộc lĩnh vực cụ thể. Điều đó có nghĩa là anh ta đã hội đủ những yếu tố thỏa mãn yêu cầu của khóa học. Nhưng đó mới chỉ là khả năng, bởi sau khi học, chưa chắc anh ta làm công việc thuộc lĩnh vực đó tốt hơn trước khi đi học, thậm chí không bằng người chưa đi học. Rõ ràng là phải xem xét tới năng lực của anh ta.

Các nhà tâm lý thuộc trường phái Anh cho rằng năng lực được giới hạn trong 3 yếu tố: Kiến thức - Knowledge, Kỹ năng - Skills và Thái độ - Attitude (một số tác giả gọi là Tam giác năng lực). Trong khi đó, các nhà tâm lý thuộc trường phái Mỹ lại cho rằng bất kỳ yếu tố

^(*)Phó Giáo sư, Tiến sĩ. Đại học Sư phạm Hà Nội.

nào dẫn đến thành công, đạt hiệu quả cao để hoàn thành một công việc đều xem là năng lực.

Năng lực có quan hệ chặt chẽ với khả năng (Capability/Ability). Khả năng có thể được xem chẳng hạn như bằng cấp, chứng chỉ tích lũy được, tạo thành "phần nổi" trong "tảng băng" (thuật ngữ của S.Spencer, 1993), còn "phần chìm" là năng lực thể hiện trong hoạt động thực tiễn.



Hình 1. Cấu trúc của "tảng băng"

Quan niệm vừa nêu đặt ra yêu cầu khi xem xét một con người phải vừa xem khả năng, vừa xem năng lực của anh ta. Nếu chẳng hạn, chỉ tin vào bằng cấp (khả năng) của anh ta mà không xem xét năng lực anh ta, tức là không xem kết quả hoạt động thực tiễn của anh ta như thế nào thì dễ mắc sai lầm khi đánh giá anh ta. Đây có thể xem như luận cứ trong giáo dục, dạy học khi ta không dừng ở việc xem xét kiến thức thu được của người học, mà phải đi đến tận cùng tức là đánh giá người học qua việc vận dụng kiến thức trong hoạt động thực tiễn.

Năng lực của con người được thể hiện như thế nào? Từ những năm 1350 – 1400 thuật ngữ năng lực đã xuất hiện trong ngôn ngữ La tinh có nguồn gốc từ kỹ xảo chỉ "sức chứa", sức thực hiện một việc nào đó. Năng lực có 3 đặc điểm sau: hình thành và bộc lộ trong hoạt động; gắn với một hoạt động cụ thể; chịu sự chi phối của các yếu tố: bẩm sinh, di truyền, môi trường và hoạt động của cá nhân.

2.2. Các loại năng lực

Các nhà khoa học đã có một số cách phân loại năng lực thành nhiều dạng khác nhau: Spearman là người đầu tiên phân biệt:

"Năng lực chung" tiếng Anh viết tắt G là những năng lực cơ bản, thiết yếu hoặc cốt lõi... làm nền tảng cho mọi hoạt động của con người trong cuộc sống và lao động như: năng lực nhận thức, năng lực trí tuệ, năng lực về ngôn ngữ và tính toán, năng lực giao tiếp, năng lực vận động, v.v. Ví dụ như: năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực tự quản lý, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng công nghệ thông tin, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực tính toán, v.v.

"Năng lực chuyên biệt" (còn gọi là năng lực chuyên môn/đặc thù) tiếng Anh viết tắt là S gồm những năng lực được hình thành và phát triển trên cơ sở các năng lực chung theo định hướng chuyên sâu, riêng biệt trong các loại hình hoạt động, công việc hoặc tình huống, môi trường đặc thù, cần thiết cho những hoạt động chuyên biệt, đáp ứng yêu cầu hạn hẹp hơn của một hoạt động như Toán học, Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể thao, v.v.

Nhóm tác giả khác lại phân loại năng lực thành: Năng lực nhận thức chung và năng lực học các môn học (năng lực học các môn khoa học tự nhiên, năng lực học các môn khoa học xã hội...); Năng lực thực tiễn là năng lực lao động, giá trị gốc của giá trị bản thân, cũng như của cộng đồng, xã hội. Năng lực thực tiễn này lại bao gồm: năng lực lý luận và năng lực thực hành. Cả hai loại này đều là quá trình vận dụng tri thức và các yếu tố tâm lý vào hoạt động.

Các loại năng lực vừa kể gắn bó mật thiết với năng lực giao tiếp. Năng lực giao tiếp tạo thành quan hệ người – người để trao đổi, chia sẻ, hợp tác.

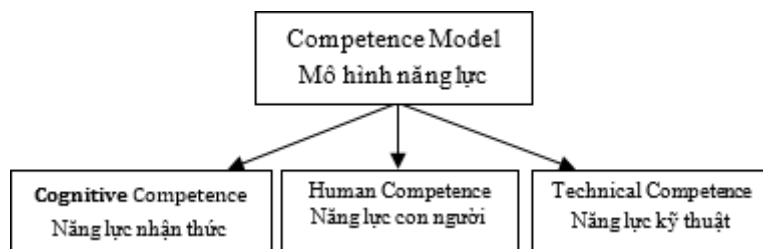
Năng lực sáng tạo rất được quan tâm trong thời đại ngày nay. Năng lực sáng tạo là sức tạo ra cái mới, nhất là ý tưởng mới, đáp ứng yêu

cầu (thích nghi) và cao hơn (sáng tạo) của cuộc sống. Từ thời Cổ đại, năng lực này chỉ gắn với văn học, nghệ thuật. Đến thời Phục hưng (thế kỷ XIV - XVI) năng lực này được chú ý trong khoa học, kỹ thuật và sau nói đến sáng tạo trong việc nâng cao năng suất lao động rồi cả trong kinh doanh. Gần đây năng lực này còn được đề cập trong quản lý, lãnh đạo một tổ chức kinh tế, xã hội, v.v.

Người ta còn phân biệt năng lực cốt lõi (Core Competencies) cần cho tất cả các hoạt

động khác nhau, giống như năng lực chung đã nêu ở trên; năng lực theo vai trò (Role Specific Competencies) ví dụ vai trò lãnh đạo, vai trò quản lý, v.v. Loại năng lực thứ ba có thể kể đó là năng lực chuyên môn/kỹ thuật (Professional/Technical Competencies).

Hiện nay, một số nước trên thế giới trong đó có Mỹ, Canada, Úc, v.v. nghiên cứu “Mô hình năng lực” (Competence Model) vận dụng trong đào tạo. Các thành tố của Mô hình năng lực được nêu lên là:



Hình 2. Mô hình năng lực

Năng lực nhận thức là sự nhận biết về sự vật, hiện tượng, con người trong thế giới xung quanh.

Năng lực con người thể hiện ở việc hiểu biết người khác, ở việc giao tiếp với người khác, ở việc hiểu mình v.v. để từ đó xác định hành vi ứng xử phù hợp.

Năng lực kỹ thuật gắn với chuyên môn (giảng dạy, quản lý, v.v.). Chính năng lực này giúp chủ thể thể hiện “tay nghề” trong thực tiễn. Trong thời đại khoa học, công nghệ phát triển mạnh mẽ, năng lực này càng có ý nghĩa bức thiết, đòi hỏi chủ thể phải thường xuyên tự nâng cao trình độ chuyên môn của mình.

Trên đây là các cách phân loại khác nhau về năng lực. Điều đó rất cần cho những người làm công tác giáo dục để rút ra những điều bổ ích trong hoạt động thực tiễn.

3. BIỂU HIỆN THỰC CHẤT NĂNG LỰC

Trong một số tài liệu, kể cả tài liệu tập huấn của các cơ quan chỉ đạo giáo dục chỉ dừng lại ở yêu cầu chung chung “phải phát triển năng lực

người học trong dạy học”, mà không chỉ ra

cho người thầy giáo phải làm như thế nào. Phải chăng đó là một trong những nguyên nhân khiến đổi mới giáo dục nói chung và dạy học nói riêng đạt được những thành tựu còn ở mức khiêm tốn?

Suy đến cùng, năng lực của con người thể hiện tập trung nhất, rõ nhất ở kỹ năng (Skills) hành động của anh ta. Thật khó hiểu khi một người thợ mộc được cho là giỏi lại không biết phân biệt các loại gỗ để gia công cho phù hợp! Kỹ năng hành động thể hiện thực chất năng lực của chủ thể trong hoạt động. Xin lưu ý Worldbank đã khẳng định: “Thế kỷ XXI là kỷ nguyên của kỹ năng lao động”.

Vì tầm quan trọng của kỹ năng nên một số nước đã nghiên cứu rất công phu và đã có kết quả cụ thể. Dưới đây xin nêu một số ví dụ:

Bộ Lao động Mỹ (The U.S. Department of Labor) cùng Hiệp hội Đào tạo và Phát triển Mỹ (The American Society of Training and Development) đã thực hiện một cuộc nghiên cứu gần đây về các kỹ năng cơ bản trong công việc. Nhận thấy tầm quan trọng của kỹ năng

nên năm 1989 Bộ Lao động Mỹ đã thành lập một Ủy ban Thư ký về Rèn luyện các kỹ năng cần thiết (The Secretary's Commission on Achieving Necessary Skills - SCANS). Thành viên của Ủy ban này đến từ nhiều lĩnh vực khác nhau: giáo dục, kinh doanh, doanh nhân, người lao động, công chức, v.v. nhằm mục đích “thúc đẩy nền kinh tế bằng nguồn lao động kỹ năng cao và công việc thu nhập cao”.

Hội đồng kinh doanh Úc (The Business Council of Commerce and Industry - ACCI) với sự bảo trợ của Bộ Giáo dục, Đào tạo và Khoa học (The Department of Education, Science and Training - DEST) và Hội đồng giáo dục quốc gia Úc (The Australian National Training Authority - ANTA) đã xuất bản cuốn “Kỹ năng hành nghề cho tương lai” (2002). Họ đã khẳng định kỹ năng mềm được ứng dụng nhiều nhất, trong đó kỹ năng hành nghề (Employability skills) là các kỹ năng cần thiết không chỉ có được việc làm, mà còn để tiến bộ trong tổ chức thông qua việc phát huy tiềm năng cá nhân và đóng góp vào định hướng chiến lược của tổ chức.

Chính phủ Canada cũng có một bộ phụ trách về việc phát triển kỹ năng cho người lao động. Bộ Phát triển Nguồn nhân lực và Kỹ năng Canada (Human Resources and Skills Development Canada - HRSDC) có nhiệm vụ xây dựng nguồn nhân lực mạnh và có năng lực cạnh tranh, giúp người Canada nâng cao năng lực ra quyết định và năng suất làm việc để nâng cao chất lượng cuộc sống. Bộ cũng có nghiên cứu để đưa ra danh sách các kỹ năng cần thiết đối với người lao động.

Chính phủ Anh cũng có cơ quan chuyên trách nghiên cứu về phát triển kỹ năng cho người lao động. Bộ Đổi mới, Đại học và Kỹ năng được Chính phủ thành lập từ ngày 28/6/2007, đến tháng 6/2009 thì được ghép với Bộ Kinh tế, Doanh nghiệp và Đổi mới Pháp chế để tạo nên bộ mới là Bộ Kinh tế, Đổi mới và Kỹ năng. Bộ này chịu trách nhiệm về các vấn

đề liên quan đến việc học tập của người lớn, một phần của giáo dục nâng cao kỹ năng, khoa học và đổi mới. Cơ quan chứng nhận chương trình và tiêu chuẩn (Qualification and Curriculum Authority) cũng đưa ra danh sách các kỹ năng quan trọng.

Chính phủ Singapore có Cục Phát triển lao động WDA (Workforce Development Agency) đã thiết lập hệ thống các kỹ năng hành nghề ESS (Singapore Employability Skills). Ngoài ra WDA còn có Trung tâm kỹ năng hành nghề (The Centre for Employability Skills – SES) để đánh giá và hỗ trợ đào tạo kỹ năng.

Tổng hợp nghiên cứu của các nước và thực tế Việt Nam, 12 kỹ năng sau đây là căn bản và quan trọng đối với người lao động khi bước vào công nghiệp hóa – hiện đại hóa, mở cửa và hội nhập: Kỹ năng giao tiếp (Communication skills); Kỹ năng học và tự học (Learning to learn); Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc (Planning and organising skills); Kỹ năng tư duy sáng tạo và mạo hiểm (Initiative and enterprise skills); Kỹ năng làm việc đồng đội (Teamwork skills); Kỹ năng lắng nghe (Listening skills); Kỹ năng thích ứng (Adaptability skills); Kỹ năng tư duy mở toàn cầu (Global mindset skills); Kỹ năng công nghệ (Technology skills); Kỹ năng giải quyết vấn đề (Problem solving skills); Kỹ năng đàm phán (Negotiation skills); Kỹ năng ngoại ngữ (Foreign language skills).

Qua việc trình bày trên, ta thấy kỹ năng trong cuộc sống được các nước coi trọng như thế nào. Phải chăng đó cũng là nhân tố cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu hóa, quốc tế hóa và hội nhập.

Có 2 loại kỹ năng: kỹ năng cứng (Hardskills) và kỹ năng mềm (Softskills). Kỹ năng cứng liên quan đến chuyên môn, đến một loại kiến thức cụ thể, ví dụ kỹ năng giải toán, kỹ năng bình giảng một tác phẩm văn học, v.v. Kỹ năng mềm liên quan đến việc sử dụng ngôn ngữ, khả năng hòa nhập xã hội, thái độ và hành

vi ứng xử áp dụng vào việc giao tiếp giữa người với người. Là những kỹ năng liên quan đến việc hòa mình vào hay tương tác với xã hội, cộng đồng, tập thể hoặc tổ chức.

Về tầm quan trọng của kỹ năng mềm, Worldbank khẳng định: sự thành công của một người phụ thuộc 85% vào kỹ năng mềm của anh ta. Xin lưu ý: những nghiên cứu kỹ năng của các nước kể trên hầu hết trong danh sách đều đưa ra là kỹ năng mềm.

Gần đây trong nhà trường và ngoài xã hội hay nói đến “kỹ năng sống” (Life skills). Kỹ năng sống bao gồm một loạt các kỹ năng cụ thể, cần thiết cho cuộc sống hàng ngày của con người. Bản chất của kỹ năng sống là kỹ năng tự quản lý bản thân và kỹ năng xã hội cần thiết để cá nhân tự lực trong cuộc sống, học tập và làm việc hiệu quả. Nói cách khác, kỹ năng sống là khả năng làm chủ bản thân của mỗi người, khả năng ứng xử phù hợp với những người khác và với xã hội, khả năng ứng phó tích cực trước các tình huống của cuộc sống.

Tổ chức Y tế Thế giới WHO định nghĩa kỹ năng sống là khả năng thích nghi và hành vi tích cực cho phép cá nhân có khả năng đối phó hiệu quả với nhu cầu và thách thức của cuộc sống hàng ngày.

Cũng theo WHO, kỹ năng sống được chia thành 2 loại là kỹ năng tâm lý xã hội và kỹ năng cá nhân, lĩnh hội và tư duy, với 10 yếu tố như: tự nhận thức, tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp ứng xử với người khác, ứng phó với các tình huống căng thẳng và cảm xúc, biết cảm thông, tư duy bình luận và phê phán, cách quyết định, giao tiếp hiệu quả và cách thương thuyết, v.v.

4. GIÁO DỤC, DẠY HỌC HƯỚNG VÀO VIỆC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC

Trên đây đã phân tích biểu hiện thực chất của năng lực là kỹ năng. Trong thực tế mỗi một lĩnh vực hoạt động đòi hỏi phải có năng lực riêng. Điều đó cũng có nghĩa là mỗi

loại năng lực tương ứng có một hệ thống các kỹ năng riêng.

Như ta biết, phương tiện quan trọng nhất trong dạy học là kiến thức. Nhưng, hiểu kiến thức đó là gì thì không phải ai cũng có câu trả lời đầy đủ. Kiến thức đem đến cho người học chứa đựng hai mặt: kiến thức hiện (Explicit) và kiến thức ẩn (Tacit). Kiến thức hiện là kiến thức đã được mã hóa, do đó in ấn được và được phổ biến rộng rãi. Nhưng kiến thức ẩn thì không mã hóa được, cũng không in ấn được và đương nhiên không phổ biến được. Những kiến thức trong sách giáo khoa đem đến cho người học chính là kiến thức hiện. Trong nhà trường, người thầy giáo (và chỉ người thầy giáo, không ai khác) mới có đầy đủ trình độ và khả năng vừa cung cấp kiến thức hiện, lại vừa hình thành kiến thức ẩn cho người học. Có thể nói bất kỳ trang sách giáo khoa nào cũng đều chứa đựng kiến thức hiện và kiến thức ẩn. Kiến thức hiện là những câu chữ, công thức, định luật, v.v. trong trang giấy, còn kiến thức ẩn là trí tuệ, tình cảm, tâm hồn, v.v. ẩn chứa đằng sau, bên trong trang giấy đó. Người ta có thể đọc được kiến thức hiện, nhưng không phải ai cũng “đọc” được hết kiến thức ẩn bên trong kiến thức hiện. Thầy giáo A và thầy giáo B cùng dạy một môn học ở hai lớp khác nhau trong cùng một khối lớp; có thể coi như kiến thức hiện của hai thầy như nhau, nhưng thầy A dạy hay và giỏi hơn thầy B vì kiến thức ẩn của thầy A đầy đủ hơn thầy B. Cũng bài giảng ấy, thầy A đã “đọc” được những ẩn chứa về trí tuệ, tình cảm và tâm hồn và đã biết giúp người học khai thác hết. Bài giảng của thầy đã thành công, đúng với nghĩa dạy học hướng tới phát triển tâm lực, trí lực, thể lực, nhìn chung là nhân cách, năng lực của người học.

Như trên đã trình bày, thể hiện thực chất năng lực là kỹ năng. Do đó, bài toán đặt ra là nhà trường, nhất là người thầy giáo phải xác định những năng lực nào cần phát triển ở người

học và quan trọng hơn là những hệ thống kỹ năng tương ứng cần hình thành ở họ.

Vào đầu thập kỷ 90, các tổ chức Liên Hiệp Quốc (LHQ) như WHO (Tổ chức Y tế Thế giới), UNICEF (Quỹ cứu trợ Nhi đồng Liên Hợp Quốc), UNESCO (Tổ chức Giáo dục, khoa học và văn hóa Liên Hợp Quốc) đã chung sức xây dựng chương trình giáo dục kỹ năng sống cho thanh thiếu niên. “Bồi lễ những thử thách mà trẻ em và thanh niên phải đối mặt là rất nhiều và đòi hỏi cao hơn là những kỹ năng đọc, viết, tính toán tốt nhất” (UNICEF).

Những năm cuối thế kỷ XX, trước khi bước vào thế kỷ XXI, UNESCO đã xác định 4 trụ cột giáo dục (The four pillars of education):

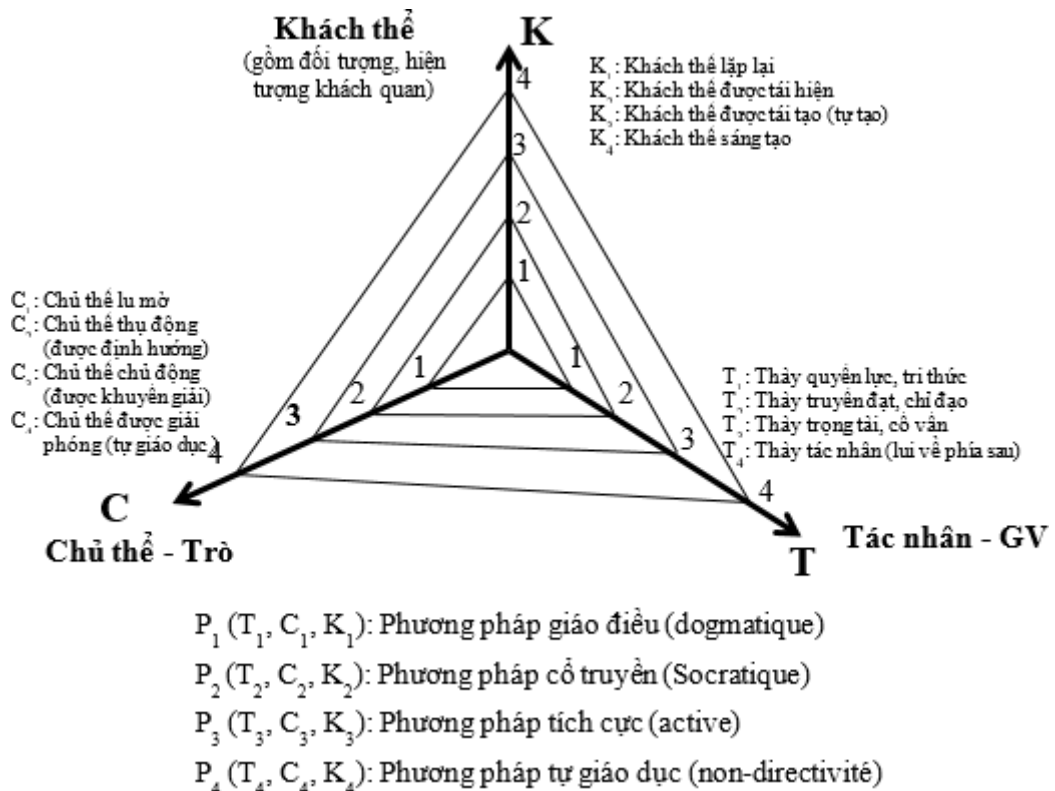
Học để biết (learning to know) liên quan đến các kỹ năng nhận thức, kỹ năng các môn học, v.v.

Học để làm (learning to do) liên quan đến, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức công việc, v.v.

Học để cùng chung sống (Learning to live together) liên quan đến kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lắng nghe, v.v.

Học để tự khẳng định (Learning to be) liên quan đến kỹ năng ứng xử, kỹ năng thích ứng, kỹ năng tự học, kỹ năng chủ thể hoá, v.v.

Đây là định hướng lớn giúp những người làm giáo dục cụ thể hóa trong dạy học của mình. Và, như đã biết, trong lịch sử phát triển lý luận dạy học, các nhà khoa học không ngừng tìm tòi phương pháp dạy học tích cực nhằm phát triển năng lực người học. Điều này được thể hiện cụ thể trong đồ thị của J.Vial dưới đây.



Hình 3. Mối quan hệ giữa chủ thể, tác nhân và khách thể

Đồ thị chỉ rõ: Chủ thể C (người học), Tác nhân T (giáo viên) và Khách thể K (đối tượng, hiện tượng khách quan làm thành nội dung dạy học). Vì vai trò của C và T thay đổi nên tri thức (K) người học tiếp nhận được cũng thay đổi về bản chất. Ta thấy tam giác CTK tăng dần, từ C1T1K1 cho đến C4T4K4, tức là từ phương pháp giáo điều (Dogmatique) đến phương pháp tự giáo dục (Non-directivité). Điều đó nói lên sự tiến triển trong quan niệm về dạy học. Đây là sự thay đổi về chất biểu hiện sự khám phá

không ngừng trong lý luận cũng như thực tiễn dạy học nhằm đào tạo con người theo yêu cầu xã hội.

Điều quan trọng là đồ thị cho ta thấy vai trò người học tăng dần, vai trò giáo viên cũng tăng dần theo chiều hướng tích cực nhằm biến quá trình giáo dục thành quá trình tự giáo dục ở mỗi người học. Đó cũng là mục tiêu của dạy học theo hướng phát triển năng lực người học trong nhà trường Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Minh Hạc, (2016). *Tâm lý học đại cương*. Nxb. Giáo dục Việt Nam.
2. Trần Kiêm, (2016). *Quản lý và Lãnh đạo nhà trường hiệu quả* (Tiếp cận năng lực). Nxb. Đại học Sư phạm.

Ngày nhận bài: 24/7/2017. Ngày biên tập xong: 20/9/2017. Duyệt đăng: 06/10/2017